TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TP. HÀ NỘI** ---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 162/2018/HS - ST
Ngày: 25/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Hoài***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Bùi Xuân Đãng***

2. Ông Nguyễn Tùng Mậu

Thư ký phiên tòa: ***Bà Đoàn Thị Phương Thảo*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2018/HS- ST ngày 01/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXXST - HS ngày 10/10/2018 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; HKTT: Thôn C, xã B, huyện V, Tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Tập thể N, thị trấn V, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị N; Có chồng là Trịnh Xuân X và 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Ngày 10/5/2011, Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội xử phạt 6.000.000đồng để sung quỹ nhà nước về tôi đánh bạc (án số 254/HSST); Ngày 05/4/2012, Tòa án nhân dân quận Đ, Hà Nội xử phạt 6 tháng tù về tội Đánh bạc (án số 121/HSST).

(Danh chỉ bản số 0088 lập ngày 22/01/2018 tại Công an huyện T;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 19/01/2018. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2 (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Xuân T - Sinh năm 1960; HKTT + Chỗ ở: Số 30, Ngõ V, phường T, quận Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị P; Có vợ là Vũ Thị H và 02 con (lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1989); Tiền án: Không; tiền sự: 02 tiền sự: năm 2007 Công an phường T, quận Đ xử lý hành chính về hành vi đánh bạc; năm 2014 công an phương P, quận Đ xử lý hành chính về hành vi đánh bạc.

(Danh chỉ bản số 0087 lập ngày 22/01/2018 tại Công an huyện T;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 19/01/2018, hủy bỏ biện pháp ngăn chăn ngày 12/02/2018. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 1, Thôn L, xã L, huyện M, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Viết V - Sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 7, Tổ 33, Phố B, phường N, quận L, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2017, Nguyễn Thị L cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1977, địa chỉ: xã L, huyện M, Hà Nội) vay số tiền 15.000.000đồng và hẹn đến cuối tháng 7/2017 thì chị H phải trả L tiền. Đến hẹn trả nợ, chị H không trả nợ cho L và L cũng không liên lạc được với chị H.

Ngày 18/01/2018, L được biết chị H đi xe máy đến chung cư mini tại 315 Vũ Tông Phan, Thanh Xuân, Hà Nội nên L có gọi điện cho Trần Xuân T và Quan Hoa N để cùng L đến gặp chị H đòi nợ. Lúc đầu, Trần Xuân T không nghe điện thoại của L, sau đó T gọi lại cho L, được L thông báo chị H đang ở 315, phố V nên T có đi xe mô tô BKS 29E1 - 689.75 đến chỗ L đang ngồi chờ chị H. L chỉ cho T biết chỗ chị H gửi xe và tả cho T biết đặc điểm của chị H cho T nhận dạng chị H còn L ngồi ngoài chờ do sợ chị H phát hiện ra L sẽ chạy mất. Quan Hoa N lúc đầu không đồng ý đi cùng L đến gặp chị H nhưng sau đó N cũng tự đi xe máy đến

chung cư 315 Vũ Tông Phan để gặp L. L và N không bàn bạc hay phân công gì về việc bắt, giữ chị H.

Khoảng 20 phút sau, T thấy chị H dắt xe mô tô Honda Wave BKS 29Y5 - 102.64 từ trong hầm gửi xe của chung cư, T liền chặn đầu xe chị H, cầm tay lôi chị H ra gặp L. Chị H nhận ra L có xin khất nợ nhưng L không đồng ý. L túm tóc, chửi chị H rồi bảo T lấy xe máy của T chở L và chị H (chị H ngồi giữa, L ngồi ngoài cùng) về sân nhà văn hóa khu tập thể N, thị trấn V, T, Hà Nội (gần nhà ở của L). Lúc này, Quan Hoa N chỉ đứng xem, không có hành động hay lời nói gì. L bảo N gửi xe của N ở chung cư và đi xe của chị H về nơi N bán hàng ở Công viên T, Hà Nội.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T chở L và chị H đến sân nhà văn hóa khu tập thể nhà máy pin. Tại đây, L và T đe dọa chị H. L dùng tay và dép tông đánh vào mặt, vào người chị H, bắt chị H phải trả cho L 21.000.000đồng cả gốc và lãi nhưng chị H không có tiền trả cho L. L yêu cầu chị H phải gọi điện cho người nhà đến nhận nợ. Do sợ hãi, chị H đã gọi điện cho mẹ đẻ là bà Nguyễn thị L (sinh năm 1953, trú tại: Xã L, huyện M, Hà Nội) lên để nhận nợ với L. Từ khoảng 10 giờ đến 12 giờ cùng ngày, L và T giữ chị H, không cho chị H đi đâu ra khỏi khu vực sân nhà văn hóa tập thể nhà máy Pin. Đến khoảng hơn 12 giờ nhưng không thấy người nhà của chị H đến, L tiếp tục chửi và hỏi chị H cách trả nợ. Chị H nói với L có bạn là ông Nguyễn Viết V (sinh năm 1959, địa chỉ: Phường N, quận L, Hà Nội) có thể thay chị H trả nợ cho L. L gọi taxi chở L và chị H đi, còn T tự đi xe máy đến Công viên T đón N. L đón T cùng N đi tìm anh V. Sau khi đón được anh V, mọi người cùng lên xe taxi đến quán phở tại 252 đường Phường N, quận L, Hà Nội để nói chuyện trả nợ cho L. Tại đây, L tiếp tục chửi, đe dọa chị H nếu không trả nợ sẽ không cho chị H về. Do quen biết chị H nên ông V đồng ý viết giấy nhận nợ T số tiền 60.000.000đồng nhằm mục đích xin tiền vợ ông V để ông V cho chị H 30.000.000đồng trả nợ cho L, 30.000.000 đồng còn lại ông V chi tiêu riêng. Ông V đưa cho T 01 giấy vay nợ còn ông V giữ một giấy. Sau đó, L, T, N đi taxi về. Khi đến công Viên T, T và N xuống xe còn L và chị H tiếp tục đi về sân nhà văn hóa khu tập thể N, thị trấn V. Tại đây, L và chị H có gặp bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị H) và anh Lê Minh H (sinh năm 1964, địa chỉ: xã Q, huyện T, Hà Nội) là bạn chị H đã cho chị H mượn xe Honda Wave BKS 29Y5- 102.64. L có gọi điện cho N bảo N mang xe của chị H đến gửi lại tại Chung cư 315, phố V rồi đi xe máy của N về. Do giữa L và anh H xô xát về việc L giữ xe của anh H nên anh H đến cơ quan công

an trình báo sự việc và cơ quan công an đã yêu cầu các bên liên quan về trụ sở làm rõ sự việc.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị L, Trần Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã thu giữ:

+ Thu giữ của Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động OPPO số sim 0945294975, 01 đôi dép tông màu xanh;

+ Thu giữ của Trần Xuân T 01 giấy vay tiền;

+ Thu giữ của ông Nguyễn Viết V 01 giấy vay tiền;

+ Thu giữ của bà Vũ Thị H 01 xe mô tô hiệu Ariblade BKS 29E1 - 689.75 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Vũ Thị H;

+ Thu giữ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave BKS 29Y5 - 102.64 và 01 vé gửi xe tại chung cư 315, phố V, Hà Nội.

Đối với việc ông Nguyễn Viết V viết giấy vay của T 60.000.000đồng, ông V xác định khi viết giấy hoàn toàn tự nguyện. Mục đích viết giấy vay nợ này là để ông V xin tiền của vợ ông V cho chị H 30.000.000đồng để chị H trả nợ, còn 30.000.000đồng ông V chi tiêu riêng. Do đó, cơ quan công an không xử lý gì đối với hành vi này của L và T.

Đối với Quan Hoa N, quá trình điều tra xác định được: L và T không bàn bạc gì với N về việc bắt, giữ, cướp tài sản của chị H, N không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H, N không tham gia khi L, T bắt giữ, cướp tài sản của chị H. Do đó hành vi của N không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xử lý gì đối với N.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave BKS 29Y5 - 102.64, quá trình điều tra xác định được: L và T không có ý đinh chiếm đoạt chiếc xe này của chị H nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Chiếc xe là tài sản của anh Lê Minh H, anh H cho chị H mượn để sử dụng. Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe cho anh H. Anh H đã nhận lại xe, không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chiếc xe máy Honda nhãn hiệu Ariblade, BKS 29E1 - 689.75 và 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H, quá trình điều tra xác định được chiếc xe là tài sản của bà Vũ Thị H. Khi T mượn xe và đã thực hiện hành vi phạm tội, bà H không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe và đăng ký xe cho bà H.

Đối với vé xe máy do anh Tạ Doãn K (bảo vệ chung cư 315, phố V giao nộp), cơ quan công an đã trả lại cho anh K.

Đối với hành vi đánh, tát chị H của L: do thương tích nhẹ, chị H từ chối giám định thương tích, không yêu cầu gì về dân sự.

Trần Xuân T đã tự nguyện bồi thường cho chị H 2.000.000đồng, chị H đã nhận, không yêu cầu gì về dân sự đối với T và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Bản cáo trạng số 154/CT - VKSTT ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Xuân T về tội "Bắt giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 và tội Cướp tài sản theo khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

***** Bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Xuân T khai nhận: Do không hiểu biết pháp luật nên các bị cáo không ý thức được việc bắt giữ chị H, chửi, đánh chị H để yêu cầu chị H trả tiền cho L là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng . Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị L từ 12- 18 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật và 48 - 54 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 60 - 72 tháng tù. Đồng thời buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 6 tháng tù của bản án ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân quận Đ.

- Áp dụng khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 55 bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Xuân T, xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 9 -12 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật và 42-48 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 51- 60 tháng tù.

- Không áp dụng hình phat bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

- Phần dân sự không xem xét do người bị hại không yêu cầu bồi thường thương tích.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép tông màu xanh; Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động OPPO thu giữ của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Khoảng 9 giờ ngày 18/01/2018, Nguyễn Thị L và Trần Xuân T đã bắt chị Nguyễn Thị H từ chung cư 315, phố V, phường K, quận T, Hà Nội về khu vực sân nhà văn hóa khu tập thể N, thị trấn V, T, Hà Nội và giữ chị H tại đó cho đến 12 giờ cùng ngày; dùng tay, dép tông đánh chị H buộc chị H phải trả nợ số tiền 21.000.000đồng nhưng chị H không có tiền trả. Đến 12 giờ, L, T tiếp tục buộc chị H dẫn sang Phường N, quận L, Hà Nội gặp và thỏa thuận với ông Nguyễn Viết V để ông V Viết giấy vay tiền của T nhằm mục đích để ông V xin tiền của vợ ông V rồi cho chị H trả nợ cho L. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Bắt giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội "Cướp tài sản" quy định tại Khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ lỗi của người bị hại. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của công dân. Đồng thời hành vi của các bị cáo cũng xâm phạm đến quyền sở hữu, sức khỏe của người khác gây mất trật tự trị an an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cách ly các

bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò của các bị cáo:

Xét đây là vụ án đồng phạm, tuy các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau từ trước nhưng các bị cáo đều hiểu và cùng nhau thực hiện tội phạm. Bị cáo L là người khởi sướng, rủ rê bị cáo T và tích cực thực hiện hành vi phạm tội phạm tội: đưa chị H từ chung cư 315, phố V về nhà văn hóa tập thể N và giữ chị H ở đó cho đến 12h cùng ngày, chửi, dùng tay, dép tông đánh vào người chị H để buộc chị H phải trả nợ cho L; Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức đã chở chị H và L đến khu vực nhà văn hóa pin thị trấn V và cùng L không cho chị H ra khỏi khu vực này; đã tham gia cùng L, đe dọa chị H phải trả tiền cho L. Vì vậy, bị cáo L có vai trò cao hơn bị cáo T.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Đối với bị cáo L:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội khi bản án ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân quận Đ, Hà Nội chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm - là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 02 tiền án (trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích)

- Đối với bị cáo T:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho người bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 02 tiền sự đã được xóa.

Các bị cáo cùng lúc phạm 2 tội, bị cáo L chưa thi hành án đối với bản án ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân quận Đ, Hà Nội với hình phạt 6 tháng tù giam về tội Đánh bạc nên các bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo L

phải chịu hình phạt chung của 2 bản án theo nguyên tắc tổng hợp hình phạt được quy định tại điều 55, 56 bộ luật hình sự.

[6] Về dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Người bị hại là chị Nguyễn Thị H đã được bị cáo T bồi thường 2.000.000đồng, chị H từ chối giám định thương tích, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với việc ông Nguyễn Viết V viết giấy vay của T 60.000.000đồng, ông V xác định khi viết giấy hoàn toàn tự nguyện. Mục đích viết giấy vay nợ này là để ông V xin tiền của vợ ông V, cho chị H 30.000.000đồng để chị H trả nợ còn 30.000.000đồng, ông V chi tiêu riêng. Do đó, cơ quan công an không xử lý gì đối với hành vi này của L và T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Quan Hoa N, quá trình điều tra xác định được: L và T không bàn bạc gì với N về việc bắt, giữ, cướp tài sản của chị H, N không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H, N không có mặt, không hành động giúp sức, cổ vũ tinh thần khi L, T bắt giữ, cướp tài sản của chị H. Do đó hành vi của N không cấu thành tội phạm và cơ quan điều tra không xử lý gì đối với N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe máy Honda Wave BKS 29Y5 - 102.64, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Lê Minh H, anh H cho chị H mượn để xử dụng. Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe cho anh H. Anh H đã nhận lại xe, không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe máy Honda nhãn hiệu Ariblade, BKS 29E1 - 689.75 và 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H, quá trình điều tra xác định được chiếc xe là tài sản của bà Vũ Thị H. Khi T mượn xe và đã thực hiện hành vi phạm tội, bà H không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe và đăng ký xe cho bà H. Bà H đã nhận lại xe, giấy đăng ký xe, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với vé xe máy do anh Tạ Doãn K (bảo vệ chung cư 315, phố V giao nộp), cơ quan công an đã trả lại cho anh K. Anh K không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với giấy vay tiền do ông Nguyễn Viết V giao nộp là tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 134, 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Xuân T phạm tội «Bắt giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 55, điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 14 (mười bốn) tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật; 44 (bốn bốn) tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt của 2 tội là 58 (năm mươi tám) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 6 tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 121/HSST, ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân quận Đ. Tổng cộng hình phạt của 2 bản án buộc bị cáo phải chấp hành chung là **64 (sáu mươi tư) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/01/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 điều 168; điểm s, điểm b khoản 1 Điều 51; điều 55của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T 08 (tám) tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật; 38 (ba mươi tám) tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 2 tội là **46 (bốn sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018 đến ngày 12/02/2018).

4. ***Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng*****:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu 01 giấy vay tiền đề ngày 22/8/2017 do ông Nguyễn Viết V giao nộp để lưu hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép tông màu xanh; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO có số sim 0945294975 hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2018).

5. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

***6. Về quyền kháng cáo* :** Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại (chị Nguyễn Thị H) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Viết V) có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Cơ sở giam giữ;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;*
- *Bị cáo.*